TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Huyền.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhựt Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 174/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thanh T, sinh năm 1984; Nơi thường trú: số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1980; Nơi thường trú: số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: số 112 KDC ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 nguyên đơn Bùi Thanh T trình bày:* Chị T và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2005 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2005. Sau kết hôn, chị T và anh Đ sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặt khác anh Đ không lo làm ăn mà lo cờ bạc nên vợ chồng luôn sống trong cảnh bất hoà không mang lại hạnh phúc cho nhau, vợ chồng thật sự xa nhau từ tháng 04/2022 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu

cầu được ly hôn anh Đ. Quá trình sống chung chị T và anh Đ có 02 con chung tên Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết và Trần Ngọc Thành P, sinh ngày 09/7/2011, hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản trình bày ý kiến ngày 27/9/2024 và tại phiên toà bị đơn Trần Văn Đ trình bày: Anh Trần Văn Đ thống nhất với chị T về thời gian kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị Bùi Thanh T. Quá trình sống chung chị T và anh Đ có 02 con chung tên Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006, hiện đã trưởng thành nên anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết và Trần Ngọc Thành P, sinh ngày 09/7/2011, hiện đang sống với chị T, anh Đ đồng ý giao cháu P cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thanh T với anh Trần Văn Đ. Giao con chung tên Trần Ngọc T1 phát, sinh ngày 09/7/2011 cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ, yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Ngọc Thành P, sinh ngày 09/7/2011, không

yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là ôn, tranh chấp "Lyvề nuôi con khi ly hôn". Bị đơn Trần Văn Đ có hộ khẩu và cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật ó"Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp ấy"Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2005 ngày 01/6/2005 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được vài năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặt khác anh Đ không lo làm ăn mà lo cờ bạc nên vợ chồng luôn sống trong cảnh bất hoà không mang lại hạnh phúc cho nhau, vợ chồng thật sự xa nhau từ tháng 04/2022 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Tại phiên toà anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Văn Đ có 02 con chung tên Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006, và Trần Ngọc Thành P, sinh ngày 09/7/2011. Theo chị T trình bày thì chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc T1 phát, sinh ngày 09/7/2011. Do đó, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006 đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Trong văn bản trình bày ý kiến cũng như tại phiên toà anh Đ đồng ý giáo cháu P cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng. Riêng Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006 đã trưởng thành nên anh Đ cũng không yêu cầu giải quyết. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa chị T và anh Đ, giao cháu Trần Ngọc T1 phát, sinh ngày 09/7/2011 cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng Trần Ngọc Thành D, sinh ngày 03/4/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị T và anh Đ trong vụ kiện này.

[2.5] Về nợ chung: Chị T và ahn Đ trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật như đã nhận định ở các phần trên nên chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật ố"Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của ị"nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ờng"Thường vụ Quốc ội"hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc T1 phát, sinh ngày 09/7/2011 cho chị Bùi Thanh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 0007578 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của C ục thi"cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thanh T và anh Trần Văn Đ có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã M, huyện L (CNKH số 53/2005 ngày 01/6/2005) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Nhựt Minh